

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 04/2018/HNGĐ - ST
Ngày 09 tháng 02 năm 2018
"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Đức Hạnh và bà Trần Thị Thanh Tâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duẩn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thịnh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2017/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2017, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt);

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn C có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 20/6/2014. Trước khi kết hôn, cả hai anh chị đều được tự do tìm hiểu và chưa ai kết hôn. Sau ngày cưới, chị về làm dâu gia đình nhà anh C ngay. Ban đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, đến cuối năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do, trong cuộc sống hàng ngày giữa chị và anh C không hiểu nhau thiếu sự chia sẻ lẫn nhau. Anh C không quan tâm gì đến chị và các con, chị nói thì vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau, thậm trí còn đánh nhau. Do không chịu được cuộc sống trên nên tháng 3 năm 2017 chị đã bỏ

về nhà bố mẹ đẻ sống, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, tháng 6 năm 2017 chị làm đơn xin ly hôn anh C. Do anh C thuyết phục chị về đoàn tụ, bản thân chị cũng muốn cho anh C một cơ hội nên chị đã xin rút đơn ly hôn để vợ chồng về sống đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con. Sau khi chị rút đơn, tình cảm vợ chồng không những không cải thiện, ngược lại còn căng thẳng hơn. Anh C chơi bời, dẫn đến nợ nần, chị nói anh C không nghe. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị xác định, vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Quang D, sinh ngày 18/11/2013 và Nguyễn Hoàng Bảo A, sinh ngày 29/02/2016, hiện nay các con đang ở với chị. Ly hôn, chị xin được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở; đất canh tác; công nợ và công sức: Chị L xác định vợ chồng không có gì nên ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn C, được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai được của anh C.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, tại biên bản lấy lời khai của bà Lê Thị Đ là mẹ anh C ngày 02/01/2018, bà Đ trình bày.

Bà xác định thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống và con chung như lời trình bày trên của chị L là đúng. Sau khi chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, anh C ở cùng với bà nên bà biết nguyên nhân vợ chồng anh C, chị L phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do trong cuộc sống anh C và chị L không thống nhất được với nhau về cách làm ăn quản lý kinh tế. Bản thân anh Chiến cũng ham chơi chưa tu trí, khi chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, anh C cũng nhiều lần gọi về nhưng chị L không về. Tháng 10 năm 2017, anh C đi làm ăn xa thỉnh thoảng có điện thoại về cho bà để hỏi thăm gia đình. Bà Đ xác nhận, bà có nhận được tất cả các loại giấy triệu tập của Tòa án gửi về cho anh C yêu cầu anh C đến Tòa án để giải quyết việc chị L xin ly hôn anh C. Sau khi bà nhận được giấy triệu tập của Tòa án, bà có thông báo cho anh C biết toàn bộ nội dung việc chị L xin ly hôn anh và bảo anh C về nhà để giải quyết nhưng do anh C bận công việc không thể về Tòa án để giải quyết được nên anh C có nói với bà là anh đồng ý ly hôn với chị L. Ngoài ra bà Đ còn xác định, thực tế tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh C không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L và anh C ly hôn nhau.

Về con chung của anh C chị L bà Đ đề nghị Tòa án giao cho chị L nuôi cả 02 con, khi nào anh C về thì anh C yêu cầu Tòa án chuyển dịch quyền nuôi con sau.

Về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức. Bà Đ không nắm được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán; Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ và tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn không có mặt, không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nên đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L, cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn C. Giao cho chị L được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung là Nguyễn Quang D, sinh ngày 18/11/2013 và Nguyễn Hoàng Bảo A, sinh ngày 29/02/2016. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Sau này anh C về nếu có yêu cầu chuyển dịch quyền nuôi con thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Còn về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị L không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn C. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L đều xác định chị và anh C kết hôn với nhau vào ngày 20 tháng 6 năm 2014, tại Ủy ban nhân dân xã T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn C là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Văn C.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị L xác định, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C. Căn cứ vào lời trình bày của chị L bà Đ là mẹ của anh C và kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Trước khi kết hôn, chị L và anh C đều được tự do tìm hiểu và chưa ai kết hôn lần nào. Do vậy, cần xác định đây là cuộc hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, chị L và bà Đ là mẹ anh C đều thừa nhận vợ chồng chị L có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do, trong cuộc sống chị L và anh C không hiểu nhau dẫn đến bất đồng quan điểm nên sống thiếu sự chia sẻ lẫn nhau. Đầu năm 2017, chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống dẫn đến vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, cả chị L và anh C đều không còn ai quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Tháng 6 năm 2017 chị L đã có đơn xin ly hôn anh C, xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên chị L đã xin rút đơn ly hôn đối với anh C để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con. Sau khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án, tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh C không cải thiện nên chị L lại làm đơn xin ly hôn anh C. Chứng tỏ, tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh C đã dần nứt đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ nên cần chấp nhận và cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Chị L và bà Đ là mẹ đẻ của anh C đều thừa nhận, vợ chồng chị L có 02 con chung là Nguyễn Quang D, sinh ngày 18/11/2013 và Nguyễn Hoàng Bảo A, sinh ngày 29/02/2016, hiện tại các con đều đang ở với chị L. Ly hôn chị L có nguyện vọng xin được nuôi hai con, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Do hiện nay, anh C không có mặt ở nhà nên Tòa án không lấy được lời khai của anh C. Vì vậy, Hội đồng xét xử không biết được nguyện vọng của anh C ra sao. Để thuận lợi trong việc trông nom, chăm sóc các con và tránh làm sáo trộn tâm lý ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày của các con chị L và anh C. Hội đồng xét xử cần giao cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Quang D và cháu Nguyễn Hoàng Bảo A. Sau này khi anh C về có nguyện vọng nuôi con thì sẽ xin chuyển dịch quyền nuôi con bằng một vụ án khác. Anh C có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, hiện tại anh C không có mặt ở nhà, Tòa án không lấy được lời khai của anh C nên Hội đồng xét xử không biết được nguyện vọng của anh C. Để bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho các bên đương sự,

Hội đồng xét xử sẽ tách phần tài sản, công nợ và công sức của anh C và chị L ra giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2/ Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Quang D, sinh ngày 18/11/2013 và Nguyễn Hoàng Bảo A, sinh ngày 29/02/2016 cho chị Nguyễn Thị L được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng với chị L, không ai được cản trở việc thăm nom và chăm sóc con chung của anh C.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001926 ngày 09 tháng 11 năm /2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, chị L đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã Trung Nguyên;
- Lưu HS, VT;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Hạnh